

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 161/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 24/01/2025 Trang/ Page: 1/2
1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN CHD VIỆT NAM Số 17, Dãy 13 căn lô 3, Khu 98 căn, Khóm 1, Phường 1, Thị xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	
2. Địa chỉ kiểm tra: Place of inspecting:	PTN - ETSC	
3. Đối tượng kiểm tra: Type of inspecting:	Sào tiếp đất trung thế/ Medium voltage grounding pole	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	03 thiết bị/ 03 Devices; Di động ngoài công trường/ Mobile off-site	
5. Phương pháp kiểm tra: Method of inspecting:	ETSC/KĐ/QT-06; QCVN QTD-5: 2009/BCT; TCVN 9628-1:2013; TCVN 5587:2008 (IEC 60855:1985); Tài liệu kỹ thuật NSX	
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	22÷23/01/2025	
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type:	Sào nối đất ngắn mạch 10kV
	Số chế tạo / Seri No	26
	Điện áp sử dụng/ AC. Use voltage:	10 kV
	Chiều dài/ Length:	3x1.000mm
	Tiết diện/ Section:	3x30mm ²
	Năm sản xuất/ Date of manufacture:	05/2023
	Nhà sản xuất/ Manufacture:	CHINA
8. Phương tiện kiểm tra: Inspecting equipment:	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50; HZXC-10HZJ.	
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH	
10. Kết quả kiểm tra: Inspecting result:	Xem trang sau See next page	
11. Tem kiểm tra: Testing stamp No:	89/25/ETSC	
12. Kết luận Conclusion	Các chỉ tiêu kiểm tra phù hợp theo quy định/ The inspection criteria are consistent with the regulations	
13. Thời hạn kiểm tra lần sau: Next test date	01/2026	
Người Thực Hiện Executor Trần Văn Minh Nguyễn Quốc Hoàn		



Số/ No: 161/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 24/01/2025 Trang/ Page: 2/2
--------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ Check out the outside condition: Bình thường/ Normal

10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ Check geometric dimensions:

Stt No	Đối tượng Object	Đơn vị Unit	Công bố của nhà sản xuất Manufacturer's announcement	Kết quả Result
1	Chiều dài sào/ Length	mm	1.000	1.000/1.000/1.000
2	Đường kính/ Diameter	mm	30	29,76/29,82/29,84

10.3 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:

Đối tượng Object	Trước khi thử cao thế/ Before trying so high (MΩ)	Sau khi thử cao thế/ After trying so high (MΩ)	Đánh giá Evaluate
Pha - Vỏ (Case)	> 50 000	> 50 000	Đạt/ Pass

10.4 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:

Đối tượng Object	U (kV)	t (minutes)	Mức quy định Standard level	Kết quả Result
Phase - Vỏ (Case)	30kV/30cm	5	Chịu được/ Pass	Không phóng điện/ No discharge inspection